

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 15 tháng 08, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading





Đột biến khối lượng

- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	PHC	14/08/2025	6.17	1.215.400	258.370	4.7
2	NBB	14/08/2025	26.8	1.128.000	255.347	4.42
3	CRE	14/08/2025	10.25	2.499.000	719.983	3.47
4	MZG	14/08/2025	13	1.986.900	576.113	3.45
5	BVH	14/08/2025	60.9	2.568.100	779.810	3.29
6	PSI	14/08/2025	9.4	2.096.100	675.167	3.1
7	DCL	14/08/2025	20.95	1.153.000	421.963	2.73
8	CSM	14/08/2025	14.15	3.457.700	1.294.253	2.67
9	HTN	14/08/2025	13.9	3.574.300	1.357.397	2.63
10	NLG	14/08/2025	47	10.434.500	4.009.617	2.6
11	HSL	14/08/2025	11.85	1.130.000	438.400	2.58
12	HDB	14/08/2025	30.95	59.894.000	24.489.744	2.45
13	MIG	14/08/2025	19.8	1.107.800	504.573	2.2
14	MSB	14/08/2025	16.15	41.725.500	19.077.030	2.19
15	VCB	14/08/2025	65.2	19.003.100	8.690.657	2.19
16	BMI	14/08/2025	22.3	942.700	437.713	2.15
17	NAB	14/08/2025	16.3	4.640.400	2.186.083	2.12
18	ACB	14/08/2025	26.2	34.889.500	17.400.600	2.01
19	DRC	14/08/2025	18.2	2.013.000	1.013.420	1.99
20	IDJ	14/08/2025	8.4	8.504.200	4.301.354	1.98
21	VJC	14/08/2025	136.3	4.476.000	2.265.190	1.98
22	TPB	14/08/2025	19.08	71.645.744	36.891.760	1.94
23	FPT	14/08/2025	103.8	17.905.400	9.207.927	1.94
24	EVG	14/08/2025	11.05	7.610.900	3.959.520	1.92
25	PAN	14/08/2025	33.75	4.572.100	2.382.463	1.92
26	CII	14/08/2025	23.35	61775300	32354006	1.91
27	ASM	14/08/2025	9.03	4748900	2545250	1.87
28	TTA	14/08/2025	11.9	1899600	1015580	1.87
29	EVS	14/08/2025	8.1	1602700	856237	1.87



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	BCM	14/08/2025	70.5	770.560	57.25	67.1	5.07	1.31	0.1
2	CCL	14/08/2025	7.7	867.470	61.67	7.6	1.38	0.16	-0.14
3	CMX	14/08/2025	7.7	757.000	59.42	7.48	3	0.14	0.03
4	CSM	14/08/2025	14.15	1.093.760	60.96	13.39	5.71	0.12	0.08
5	DGC	14/08/2025	105.9	3.182.520	56.58	103.41	2.41	2.01	-2.83
6	DPR	14/08/2025	42.15	1.010.590	57.35	40.3	4.59	0.34	-0.37
7	DRI	14/08/2025	12.8	1.470.690	48.88	12.38	3.41	0.1	0.01
8	DVM	14/08/2025	8	899.680	67.41	7.63	4.88	0.16	0.04
9	GAS	14/08/2025	69.7	1.547.790	58.34	66.52	4.79	0.84	-0.08
10	GMD	14/08/2025	61.2	4.728.280	64.72	57.75	5.98	1	-1.46
11	GVR	14/08/2025	32.1	7.077.910	59.87	30	6.99	0.51	-0.41
12	IDC	14/08/2025	43.8	3.763.220	70.38	42.08	4.1	1.03	-1.27
13	IVS	14/08/2025	10.3	618.620	56.4	9.87	4.31	0.11	-0.1
14	LAS	14/08/2025	20.4	2.003.760	49.95	19.15	6.55	0.15	-0.25
15	LSS	14/08/2025	10.3	775.450	61.95	10.18	1.22	0.12	-0.16
16	PLX	14/08/2025	37.9	3.442.260	55.05	37.49	1.08	0.36	-0.25
17	PNJ	14/08/2025	88	788.520	58.28	87.17	0.95	1.6	-1.7
18	PVD	14/08/2025	22.9	12.653.980	71.1	21.86	4.74	0.62	-0.78
19	QTP	14/08/2025	13.3	562.750	57.03	13.28	0.16	0.01	-0.16
20	SIP	14/08/2025	66.7	776.010	57.72	65.98	1.09	1.2	-1.03
21	SZC	14/08/2025	39	3.208.960	58.45	38.96	0.1	0.65	-0.7
22	TNG	14/08/2025	21.5	2.548.140	54.03	20.98	2.5	0.49	-0.39
23	TTA	14/08/2025	11.9	953.300	61.08	11.53	3.19	0.15	0.11
24	TVC	14/08/2025	9.8	552.110	58.36	9.32	5.15	0.18	0.02
25	VGI	14/08/2025	80.8	1.425.410	62.81	78.3	3.19	1.26	-1.56
26	VGT	14/08/2025	13.2	2.956.440	59.09	12.71	3.88	0.33	-0.06
27	VIP	14/08/2025	13.45	577.390	54.29	12.99	3.55	0.13	-0.12
28	VNM	14/08/2025	61.7	5.900.320	57.03	59.11	4.38	0.8	0.06
29	VOS	14/08/2025	16.25	4.900.410	58.39	15.19	6.96	0.25	-0.12



Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	SHB	20.4	20.65	108.131.136
2	TPB	19.8	20.35	56135956
3	VIX	32.45	32.45	50.419.380
4	SHS	25.6	26.7	50.076.472
5	VPB	30.8	30.8	48356832
6	MBB	27.6	27.6	41.842.040
7	CII	23.35	23.35	40.694.480
8	NVL	18.9	19.3	35.523.168
9	TCB	38.4	39.2	34.029.988
10	EVF	16.25	16.35	32.006.050
11	DIG	24.35	24.75	31.789.310
12	PDR	24.55	25	28.683.660
13	CEO	27.6	28.1	28.403.020
14	HDB	30.95	30.95	26.540.440
15	DXG	21.9	22.3	26.034.650
16	MSB	16.15	16.15	25.492.790
17	VSC	31.65	31.65	22.254.810
19	VIB	20.45	20.85	20.165.800
20	ACB	26.2	26.2	19.677.960
21	VCG	26.8	27.45	15.801.470
22	STB	55.4	56.2	14.425.010
23	BID	42.15	42.76	12.987.440
24	OCB	13.2	13.4	12.018.400
25	SCR	10.4	10.4	11.903.730
26	DBC	31.25	32.35	11.547.530
27	ABB	13.7	13.9	11.522.710

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	VCB	65.2	63	9.857.820
2	GMD	61.2	60.9	4.728.280
3	IDI	9.1	9.1	4521370
4	IDC	43.8	43.5	3.763.220
5	NTL	22.15	22.15	3.731.070
6	ASM	09.03	8.79	3.168.300
7	BSI	50.5	50.3	3.020.200
8	CMG	45.95	44.5	2.291.520
9	TIG	10.2	10.2	2.260.480
10	BGE	5.9	5.7	2050790
11	VGS	34.3	32.8	2033060
12	VPI	56	55.5	2.004.730
13	BVS	43.2	42.9	1.429.820

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	ADP	27.2	26.8	17.130
2	CNT	9.6	9.5	13.410
3	CTF	21	21	317.980
4	DCL	20.95	20.95	431.800
5	VEF	170.4	168.7	15.780

Phá đáy 1 năm



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	CSM	14.15	13.39	1.093.760
2	DDG	2.9	2.87	526.930
3	GKM	5	4.59	836900
4	QTP	13.3	13.28	562.750
5	VPI	56	55.76	2.004.730

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	CSM	14.15	13.57	1.093.760
2	DDG	2.9	2.87	526.930
3	KVC	2	1.93	880180
4	MSH	38.45	38.21	858.600
5	QTP	13.3	13.16	562.750
7	VHM	93.9	93.47	5781110
8	VNM	61.7	61.46	5900320

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	AAV	6.9	6.71	1.102.300
2	CSM	14.15	13.39	1.093.760
3	QTP	13.3	13.16	562750

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn

Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	ACV	63.9	64.1	1.189.920
2	VEA	39.1	39.25	690.220

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	CSV	36.3	36.51	1.902.100
2	CTD	82.3	82.79	1.161.020
3	DRH	3.49	3.49	1350440
4	MSR	21.4	21.54	3.141.220
5	PHR	62	62.4	986.340
7	TCM	32.25	32.51	2513230
8	TV2	39.3	39.6	949790

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	DC4	13.7	13.72	1.932.420
2	FRT	143.1	147.18	720.970
3	VTO	12.6	12.71	899920

Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	QTP	14/08/2025	13.3	12.9	13.4	3.9	565.940
2	QNS	14/08/2025	48.1	44.99	49.1	9.1	223.240
3	SAB	14/08/2025	47.9	45.69	50	9.4	1.185.380
4	SJD	14/08/2025	15.55	14.15	15.6	10.2	157.240
5	CST	14/08/2025	15.5	15.1	16.7	10.6	122.540
6	CTF	14/08/2025	21	21	23.45	11.7	340.120
7	BAF	14/08/2025	35.8	33.2	37.3	12.3	7.761.220
8	NED	14/08/2025	7.2	6.9	7.8	13	144.740
9	BWE	14/08/2025	49.05	46.7	52.8	13.1	215.320
10	IMP	14/08/2025	54	48.71	55.1	13.1	183.840
11	BMP	14/08/2025	137.6	133.1	151	13.4	180.200
12	FPT	14/08/2025	103.8	99.25	112.8	13.7	14.045.200
13	CTD	14/08/2025	82.3	77.5	88.5	14.2	1.105.520
14	SCS	14/08/2025	62.9	60.8	69.5	14.3	451.040
15	VTO	14/08/2025	12.6	12.15	13.9	14.4	1.220.260
16	PPC	14/08/2025	11.35	10.9	12.5	14.7	1.554.280
17	BNA	14/08/2025	7.6	7.4	8.5	14.9	284.980
18	BMC	14/08/2025	17.85	17.37	19.95	14.9	128.080
19	APG	14/08/2025	11.95	11.7	13.45	15	1.100.960



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

- CANH MUA** Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CHỜ MUA** Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- TRUNG LẬP** Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CANH BÁN** Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009